

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 11- 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thu Hiền –Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 384/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/8/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-ST ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ x, thôn y, xã z, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ x1, thôn y, xã z, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Đinh Văn P qua một thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 11/10/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, từ tháng 5/2019 đến nay bà và ông P đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Đinh Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24/11/2006 và Đinh Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 01/4/2014. Bà có

nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi cháu Q số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đinh Văn P trình bày:

Ông P thống nhất về thời gian và điều kiện đăng ký kết hôn như bà N đã trình bày. Ông P xác định vợ chồng chung sống từ đầu năm 2019 đến nay có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Ông đồng ý ly hôn với bà N nhưng vì ông theo đạo Thiên Chúa nên không đến tham gia phiên tòa, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông P thống nhất có 02 con chung như bà N đã trình bày, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Như cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Đinh Văn P.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Văn P đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông P theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các giấy tờ tài liệu do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Nguyễn

Thị N và Ông Đinh Văn P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà N, ông P: Quá trình tố tụng tại Tòa án cả bà N, ông P đều thừa nhận vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và hiện nay đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau. Ông P đồng ý ly hôn với bà N, tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông P. Vì vậy căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông P.

Về con chung: Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con đến tuổi trưởng thành, ông P có nguyện vọng được nuôi cháu Q, chỉ đồng ý giao cháu Như cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con và điều kiện nuôi con của nguyên đơn, bị đơn thấy: Từ khi ly thân, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Bản thân cháu Q có nguyện vọng được sống với bà N, từ khi vợ chồng ly thân cháu Q được bà N chăm sóc tốt, cho học hành ổn định. Đối với cháu Như cả ông P và bà N đều thống nhất giao cho bà N nuôi. Do đó xét về nguyện vọng của con, điều kiện nuôi con của bà N đồng thời để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cho các cháu cần giao các cháu Q và Như cho bà N trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn thì thấy: Bà N và ông P đều xác định ông P có mức thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng; bà N có mức thu nhập bình quân từ 5.000.000đ đến 8.000.000 đồng/tháng. Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó cần buộc ông P cấp dưỡng nuôi cháu Q. Xét nhu cầu sinh hoạt thực tế và chi phí học tập của các cháu đồng thời xem xét mức thu nhập bình quân của ông P và bà N thì mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng đối với cháu Q là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Ông Đinh Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Đinh Văn P về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và Đinh Văn P thuận tình ly hôn.

Về con chung: Buộc ông Đinh Văn P giao cháu Đinh Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24/11/2006 và Đinh Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 01/4/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc ông Đinh Văn P cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Nguyễn Hoàng Q số tiền 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001679 ngày 14/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Đinh Văn P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hoàng Nguyễn Thị Kim Nhung Hoàng Bảo Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tân Hải;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Bảo Ngọc

